

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ  
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Anh Tiến	Chủ tịch
Ông Lê Đình Tiến	Thành viên
Ông Tăng Văn Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Dòng	Giám đốc
Ông Tăng Văn Liêm	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



  
Nguyễn Văn Dòng  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Số: 530 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2014, từ trang 3 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



  
Võ Thái Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 28 tháng 3 năm 2014  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

  
Nguyễn Thị Thu Sang  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1144-2013-001-1

12500-  
HI NHẢ  
ÔNG T  
NHIỆM H  
LOIT  
ỆT NA  
TP. HC

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>92.568.282.848</b>	<b>78.918.924.392</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>17.337.415.130</b>	<b>5.215.240.173</b>
1. Tiền	111	5	17.337.415.130	5.215.240.173
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>25.223.608.519</b>	<b>15.366.360.804</b>
1. Phải thu khách hàng	131		25.060.035.963	14.756.238.536
2. Trả trước cho người bán	132		-	711.667.529
3. Các khoản phải thu khác	135		416.926.968	153.309.151
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(253.354.412)	(254.854.412)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>48.552.613.707</b>	<b>54.284.248.494</b>
1. Hàng tồn kho	141		49.119.627.839	55.065.762.223
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(567.014.132)	(781.513.729)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.454.645.492</b>	<b>4.053.074.921</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.378.197.892	3.132.441.940
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	772.237.279
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		76.447.600	148.395.702
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>74.037.201.995</b>	<b>74.738.734.590</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>69.898.290.066</b>	<b>70.460.031.668</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	38.170.726.292	40.193.766.873
- Nguyên giá	222		94.637.340.075	89.685.820.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.466.613.783)	(49.492.053.214)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	23.601.534.287	22.151.215.308
- Nguyên giá	225		32.842.257.726	28.296.401.017
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.240.723.439)	(6.145.185.709)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	8.126.029.487	8.115.049.487
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.378.061.520	2.378.061.520
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.378.061.520)	(1.378.061.520)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.138.911.929</b>	<b>3.278.702.922</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	221.842.329	252.016.399
2. Tài sản dài hạn khác	268	12	2.917.069.600	3.026.686.523
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>166.605.484.843</b>	<b>153.657.658.982</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013


**MẪU B 01-DN**


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>73.598.092.473</b>	<b>72.506.055.382</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>66.588.183.522</b>	<b>62.136.545.064</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	50.011.382.661	41.749.439.874
2. Phải trả người bán	312		8.751.808.532	10.622.086.232
3. Người mua trả tiền trước	313		435.186.850	307.156.987
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	2.887.441.126	4.101.676.373
5. Phải trả người lao động	315		2.233.418.170	2.020.016.510
6. Chi phí phải trả	316		276.324.900	254.219.848
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		260.317.558	856.931.405
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.732.303.725	2.225.017.835
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.009.908.951</b>	<b>10.369.510.318</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		417.690.000	417.690.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	6.417.154.840	9.806.508.727
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	16	175.064.111	145.311.591
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>93.007.392.370</b>	<b>81.151.603.600</b>
<b>I. Vốn cổ đông</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>93.007.392.370</b>	<b>81.151.603.600</b>
1. Vốn cổ phần	411		47.577.700.000	47.577.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.742.388	58.742.388
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.747.392.936	3.727.071.650
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.747.392.936	3.727.071.650
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35.876.164.110	26.061.017.912
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>166.605.484.843</b>	<b>153.657.658.982</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	31/12/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại	USD	29.807	49.407
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	214.499.597	646.640.818

  
Nguyễn Thị Thu Tâm  
Người lập biểu

  
Phạm Thị Thành  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Đông  
Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2014



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		2013	2012
	Mã số	minh		
1. Doanh thu bán hàng	01		221.209.173.271	204.310.787.418
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	449.280.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	19	221.209.173.271	203.861.507.418
4. Giá vốn hàng bán	11		178.872.616.281	164.771.892.125
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		42.336.556.990	39.089.615.293
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	609.689.421	532.578.191
7. Chi phí tài chính	22	22	5.951.934.021	4.178.710.612
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.914.821.776	4.051.532.203
8. Chi phí bán hàng	24		3.429.432.128	3.605.127.523
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.079.649.327	7.294.867.478
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		25.485.230.935	24.543.487.871
11. Thu nhập khác	31	23	4.465.846.944	7.437.271.516
12. Chi phí khác	32	24	2.567.283.822	3.796.472.125
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.898.563.122	3.640.799.391
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		27.383.794.057	28.184.287.262
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	6.977.368.337	5.610.881.667
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	29.752.520	100.295.769
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		20.376.673.200	22.473.109.826
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	<b>4.283</b>	<b>4.723</b>

Nguyễn Thị Thu Tâm  
 Người lập biểu

Phạm Thị Thành  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dồng  
 Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

31007  
 C  
 TRÁCH  
 D  
 V  
 T N 1

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.383.794.057	28.184.287.262
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.716.207.037	9.473.271.724
Các khoản dự phòng	03	(215.999.597)	(667.700.345)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	579.299	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(246.776.833)	(1.143.447.160)
Chi phí lãi vay	06	5.914.821.776	4.051.532.203
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.552.625.739	39.897.943.684
Biến động các khoản phải thu	09	(13.629.367.145)	(4.418.372.535)
Biến động hàng tồn kho	10	6.049.874.558	(14.264.623.686)
Biến động các khoản phải trả	11	(1.945.801.724)	4.972.950.875
Biến động chi phí trả trước	12	1.784.418.118	571.843.252
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.871.391.724)	(4.201.573.752)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.173.584.884)	(7.134.023.362)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	7.250.000	21.875.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.928.405.515)	(2.176.555.889)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.845.617.423	13.269.463.587
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(5.712.348.900)	(5.967.673.028)
2. Tiền thu do thanh lý tài sản cố định hữu hình	22	1.454.545	1.221.400.000
3. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	245.322.288	175.112.063
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.465.572.067)	(4.571.160.965)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	114.877.718.707	102.053.091.553
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(102.323.364.265)	(82.742.093.494)
3. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(7.681.765.542)	(11.419.976.109)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(7.129.880.000)	(15.696.812.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.257.291.100)	(7.805.790.050)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	12.122.754.256	892.512.572
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.215.240.173	4.322.727.601
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(579.299)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	17.337.415.130	5.215.240.173

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm khoản 178.346.000 đồng (năm 2012: 647.348.000 đồng), là số tiền cổ tức chưa chi trả cho cổ đông trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải thu.

Nguyễn Thị Thu Tâm  
Người lập biểu

Phạm Thị Thành  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dông  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

12500-  
HI NHÀ  
ÔNG T  
NHIỆM K  
LOIT  
ỆT NA  
TP. HỒ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002815 ngày 28 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 269 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 268).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là in theo phương pháp ống đồng, in theo phương pháp offset, sản xuất các loại bao bì cao cấp, và cung cấp giấy các loại.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ phải trả, và các khoản nhận ký quỹ, ký cược.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**

4383/1 đường Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 7
Phương tiện vận tải	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	25
Máy móc, thiết bị	7

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn là khoản đầu tư vào đơn vị khác mà công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu và được hạch toán theo giá trị vốn bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2500  
I NH  
ONG  
NHIEN  
LOI  
ET I  
TP. H

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**

4383/1 đường Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	25.562.392	313.137.249
Tiền gửi ngân hàng	17.311.852.738	4.902.102.924
	<b>17.337.415.130</b>	<b>5.215.240.173</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.320.007.922	3.962.810.613
Nguyên liệu, vật liệu	31.904.647.845	35.288.973.210
Công cụ, dụng cụ	645.501.941	90.827.024
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.433.581.069	5.959.784.419
Thành phẩm	8.815.889.062	9.763.366.957
	<b>49.119.627.839</b>	<b>55.065.762.223</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(567.014.132)	(781.513.729)
	<b>48.552.613.707</b>	<b>54.284.248.494</b>

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 214.499.597 đồng (năm 2012: 21.059.527 đồng).

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	82.215.270.109	5.336.503.407	438.106.263	1.695.940.308	89.685.820.087
Tăng	5.546.858.900	-	154.510.000	-	5.701.368.900
Phân loại lại	(306.271.762)	(29.414.285)	(76.283.874)	(80.968.000)	(492.937.921)
Thanh lý	-	-	(105.734.227)	-	(105.734.227)
Giảm khác	(51.230.400)	-	(87.437.273)	(12.509.091)	(151.176.764)
Tại ngày 31/12/2013	<b>87.404.626.847</b>	<b>5.307.089.122</b>	<b>323.160.889</b>	<b>1.602.463.217</b>	<b>94.637.340.075</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	46.150.097.120	1.613.860.792	291.003.817	1.437.091.485	49.492.053.214
Khấu hao trong năm	6.720.580.258	683.874.072	91.699.759	124.515.218	7.620.669.307
Phân loại lại	(306.271.762)	(29.414.285)	(76.283.874)	(80.968.000)	(492.937.921)
Thanh lý	-	-	(105.734.227)	-	(105.734.227)
Giảm khác	(14.911.170)	-	(21.475.725)	(11.049.695)	(47.436.590)
Tại ngày 31/12/2013	<b>52.549.494.446</b>	<b>2.268.320.579</b>	<b>179.209.750</b>	<b>1.469.589.008</b>	<b>56.466.613.783</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2013	<b>34.855.132.401</b>	<b>3.038.768.543</b>	<b>143.951.139</b>	<b>132.874.209</b>	<b>38.170.726.292</b>
Tại ngày 31/12/2012	<b>36.065.172.989</b>	<b>3.722.642.615</b>	<b>147.102.446</b>	<b>258.848.823</b>	<b>40.193.766.873</b>

Nguyên giá tài sản cố định của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với trị giá là 26.317.987.647 đồng (năm 2012: 19.952.976.275 đồng).

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân loại lại một số tài sản cố định hữu hình sang chi phí trả trước theo hướng dẫn của Thông tư 45.

002-C  
ANH  
TY  
HỮU H  
ITE  
AM  
5 CH

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**

4383/1 đường Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Nhà xưởng VND	Máy móc, thiết bị VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	13.940.318.700	14.356.082.317	28.296.401.017
Tăng trong năm	-	4.545.856.709	4.545.856.709
Tại ngày 31/12/2013	<u>13.940.318.700</u>	<u>18.901.939.026</u>	<u>32.842.257.726</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	3.763.886.049	2.381.299.660	6.145.185.709
Khấu hao trong năm	557.612.748	2.537.924.982	3.095.537.730
Tại ngày 31/12/2013	<u>4.321.498.797</u>	<u>4.919.224.642</u>	<u>9.240.723.439</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>9.618.819.903</u></u>	<u><u>13.982.714.384</u></u>	<u><u>23.601.534.287</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>10.176.432.651</u></u>	<u><u>11.974.782.657</u></u>	<u><u>22.151.215.308</u></u>

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Đây là khoản trả trước 35% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Phong Phú (gọi tắt là "Công ty CP KCN Phong Phú") về việc thuê 12.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Phong Phú (gọi tắt là "KCN Phong Phú") để xây dựng nhà xưởng. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty CP KCN Phong Phú vẫn chưa tiến hành bàn giao cho Công ty khu vực đất dự kiến cho thuê theo như tiến độ hợp đồng đã cam kết.

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Cổ phần trong Công ty Cổ phần bao bì Bia Sài Gòn (i)	1.378.061.520	1.378.061.520
Góp vốn vào Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (i)	<u>(1.378.061.520)</u>	<u>(1.378.061.520)</u>
	<u><u>1.000.000.000</u></u>	<u><u>1.000.000.000</u></u>

(i) Khoản đầu tư vào của Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn thể hiện giá mua 72.000 cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

(ii) Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam chiếm 0,56% vốn điều lệ của công ty này.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2013 VND	2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	252.016.399	3.242.215.118
Tăng trong năm	137.963.778	469.556.097
Phân bổ vào chi phí	<u>(168.137.848)</u>	<u>(3.459.754.816)</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u><u>221.842.329</u></u>	<u><u>252.016.399</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Tài sản dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ, ký cược dài hạn cho các hợp đồng thuê tài chính và thuê đất.

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	44.533.856.266	36.714.932.555
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	-	330.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	<u>5.477.526.395</u>	<u>4.704.507.319</u>
	<b><u>50.011.382.661</u></b>	<b><u>41.749.439.874</u></b>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Kỳ Đồng	10.330.000.000	6.920.000.000
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	4.900.000.000	6.463.545.704
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà	-	-
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình	1.605.813.000	12.551.386.851
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	7.380.480.766	-
Các cá nhân khác	<u>20.317.562.500</u>	<u>10.780.000.000</u>
	<b><u>44.533.856.266</u></b>	<b><u>36.714.932.555</u></b>

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) dưới hình thức thư tín dụng thư với tổng hạn mức tín dụng 15 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của ông Nguyễn Văn Dông, Giám đốc Công ty và bà Nguyễn Thảo Nguyên, vợ ông Nguyễn Văn Dông.

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 1.200.000 đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho với giá trị 13,5 tỷ đồng và các khoản phải thu với giá trị 13,5 tỷ đồng.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng 16.010.000.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của ông Trần Anh Tiến, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và bà Bùi Xuân Hạnh, vợ ông Trần Anh Tiến. Công ty cam kết dùng hàng lưu kho và nguồn thu từ xuất nhập khẩu để đảm bảo khả năng trả nợ vay.

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 1.000.000 đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho với trị giá 800.000 USD và hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị với trị giá 980.000 USD.

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng trên đây chịu lãi suất từ 0,60% đến 0,67%/tháng cho các khoản vay nhận nợ bằng đồng Việt Nam.

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân khác không có bảo đảm nhằm mục đích tài trợ cho vốn hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản thời gian thanh toán nợ gốc cho mỗi khoản vay là 12 tháng và chịu lãi suất 1%/tháng và lãi vay được thanh toán vào ngày cuối cùng của mỗi tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**

4383/1 đường Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	158.808.152	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	407.800.035
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.452.571.071	3.648.787.618
Các loại thuế khác	276.061.903	45.088.720
	<u><b>2.887.441.126</b></u>	<u><b>4.101.676.373</b></u>

**15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn	-	907.500.000
Nợ thuê tài chính dài hạn (i)	11.894.681.235	13.933.516.046
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)	-	(330.000.000)
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)	(5.477.526.395)	(4.704.507.319)
	<u><b>6.417.154.840</b></u>	<u><b>9.806.508.727</b></u>

Chi tiết các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	5.668.152.400	7.935.413.200
Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ("VILC")	4.025.637.315	1.187.445.346
Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - kinh doanh văn phòng Tân Tạo ("Taserco")	2.200.891.520	4.810.657.500
	<u><b>11.894.681.235</b></u>	<u><b>13.933.516.046</b></u>

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản		Giá trị hiện tại	
	tiền thuê tối thiểu		của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	7.506.387.928	6.320.794.140	5.477.526.395	4.704.507.319
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	9.884.869.136	12.907.664.529	6.417.154.840	9.229.008.727
	17.391.257.064	19.228.458.669	11.894.681.235	13.933.516.046
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(5.496.575.829)	(5.294.942.623)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	11.894.681.235	13.933.516.046	11.894.681.235	13.933.516.046
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn - Thuyết minh số 13)			(5.477.526.395)	(4.704.507.319)
Số phải trả sau 12 tháng			<u><b>6.417.154.840</b></u>	<u><b>9.229.008.727</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**

4383/1 đường Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	Tài sản cố định thuê tài chính VND	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho VND	Dự phòng trợ cấp mất việc làm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2012	(340.690.023)	200.643.314	95.030.887	(45.015.822)
Ghi vào kết quả kinh doanh	-	(5.264.882)	(95.030.887)	(100.295.769)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>(340.690.023)</b>	<b>195.378.432</b>	<b>-</b>	<b>(145.311.591)</b>
Ghi vào kết quả kinh doanh	40.882.803	(70.635.323)	-	(29.752.520)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>(299.807.220)</b>	<b>124.743.109</b>	<b>-</b>	<b>(175.064.111)</b>

**17. VỐN CỔ ĐÔNG**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 11 tháng 2 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 47.577.700.000 đồng. Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần được phép phát hành	47.577.700	47.577.700
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	47.577.700	47.577.700
Mệnh giá cổ phần (đồng)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

**Thay đổi trong vốn cổ đông**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư, phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại 01/01/2012	47.577.700.000	58.742.388	2.603.745.804	2.603.745.804	24.273.928.624	77.117.862.620
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	22.473.109.826	22.473.109.826
Công bố chia cổ tức	-	-	-	-	(16.176.418.000)	(16.176.418.000)
Trích lập quỹ	-	-	1.123.325.846	1.123.325.846	(4.509.602.538)	(2.262.950.846)
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>47.577.700.000</b>	<b>58.742.388</b>	<b>3.727.071.650</b>	<b>3.727.071.650</b>	<b>26.061.017.912</b>	<b>81.151.603.600</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	20.376.673.200	20.376.673.200
Công bố chia cổ tức	-	-	-	-	(6.660.878.000)	(6.660.878.000)
Trích lập quỹ	-	-	1.020.321.286	1.020.321.286	(3.900.649.002)	(1.860.006.430)
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>47.577.700.000</b>	<b>58.742.388</b>	<b>4.747.392.936</b>	<b>4.747.392.936</b>	<b>35.876.164.110</b>	<b>93.007.392.370</b>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2013, Công ty đã công bố chia cổ tức bổ sung của năm 2012 là 4%/mệnh giá cổ phần với số tiền là 1.903.108.000 đồng.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 10 năm 2013, Công ty đã tạm ứng cổ tức của năm 2013 là 10%/mệnh giá cổ phần với số tiền là 4.757.770.000 đồng.

Công ty đã trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng và phúc lợi theo Điều lệ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 theo tỷ lệ 5% cho mỗi quỹ. Ngoài ra, Công ty đã trích thưởng Ban Điều Hành công ty khi lợi nhuận sau thuế thực hiện vượt so với lợi nhuận kế hoạch, với mức trích tạm trích là 579.685.144 đồng. Số liệu cuối cùng về trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**

4383/1 đường Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012:

	Theo GCN ĐKKD	31/12/2013		31/12/2012	
		VND	%	VND	%
Ông Trần Anh Tiến	9.926.000.000	11.472.900.000	24,11%	5.710.000.000	12,00%
Ông Nguyễn Văn Dòng	-	400.000.000	0,84%	-	0,00%
Ông Nguyễn Văn Hùng	6.574.000.000	-	0,00%	4.000.000.000	8,41%
Bà Trần Thị Phương Tân	-	5.350.000.000	11,24%	-	0,00%
Ông Tăng Văn Liêm	500.000.000	537.100.000	1,13%	287.100.000	0,60%
Ông Liu Ích Sáng	-	1.750.000	0,00%	2.883.200.000	6,06%
Ông Nguyễn Thành Hiếu	-	1.600.000	0,00%	2.883.050.000	6,06%
Ông Hồ Vĩnh Vân	-	1.050.000.000	2,21%	2.450.000.000	5,15%
Ông Nguyễn Thái Bình	-	14.601.300.000	30,69%	14.601.300.000	30,69%
Các cổ đông khác	30.577.700.000	14.163.050.000	29,77%	14.763.050.000	31,03%
	<b>47.577.700.000</b>	<b>47.577.700.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>47.577.700.000</b>	<b>100,00%</b>

**18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp là in (offset, ống đồng giấy, ống đồng nhôm, bao thư) chiếm 95,38% tổng doanh thu, các lĩnh vực kinh doanh khác bao gồm bán hàng hóa chiếm 4,54% và cung cấp dịch vụ chiếm 0,08%, do đó doanh nghiệp không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu bán hàng của doanh nghiệp trong nước Việt Nam chiếm 95,08%, doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm 4,92%, do đó doanh nghiệp không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**19. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG**

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa	10.046.599.236	6.020.371.091
Doanh thu offset	86.139.695.820	61.349.649.441
Doanh thu ống đồng giấy	30.505.426.847	26.638.932.087
Doanh thu cung cấp dịch vụ	183.239.599	106.000.000
Doanh thu bao thư	15.139.859.455	17.266.135.758
Doanh thu ống đồng nhôm	79.194.352.314	92.480.419.041
	<b>221.209.173.271</b>	<b>203.861.507.418</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	137.485.444.863	129.498.436.031
Chi phí nhân công	23.562.012.140	18.877.565.324
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.158.594.289	9.473.271.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.665.767.701	11.084.552.012
Chi phí khác	10.509.878.743	6.738.062.035
	<b>190.381.697.736</b>	<b>175.671.887.126</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**

4383/1 đường Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	195.322.288	75.112.063
Cổ tức được chia từ khoản đầu tư dài hạn	50.000.000	100.000.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	579.299	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	363.787.834	357.466.128
	<u><b>609.689.421</b></u>	<u><b>532.578.191</b></u>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	5.914.821.776	4.051.532.203
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.112.245	7.863.499
Khác	-	119.314.910
	<u><b>5.951.934.021</b></u>	<u><b>4.178.710.612</b></u>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.454.545	1.221.400.000
Thu từ việc bán các phế liệu	714.367.275	669.248.998
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản	1.628.114.730	4.445.640.132
Khác	2.121.910.394	1.100.982.386
	<u><b>4.465.846.944</b></u>	<u><b>7.437.271.516</b></u>

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	253.064.903
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	557.612.748	557.612.748
Khác	2.009.671.074	2.985.794.474
	<u><b>2.567.283.822</b></u>	<u><b>3.796.472.125</b></u>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	27.383.794.057	28.184.287.262
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	577.179.289	728.272.686
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	(51.500.000)	(583.550.336)
Thu nhập chịu thuế	27.909.473.346	28.329.009.612
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.977.368.337	7.082.252.403
Giảm trừ thuế	-	(1.890.955.265)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	-	419.584.529
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u><b>6.977.368.337</b></u>	<u><b>5.610.881.667</b></u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**

4383/1 đường Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	20.376.673.200	22.473.109.826
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.376.673.200	22.473.109.826
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	<u>4.757.770</u>	<u>4.757.770</u>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>	<b><u>4.283</u></b>	<b><u>4.723</u></b>

Trong năm và đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện nào khác dẫn đến khả năng pha loãng cổ phiếu của Công ty.

**27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>4.424.923.884</u>	<u>3.882.990.802</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	2.272.617.600	3.550.847.251
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	2.133.250.000
	<b><u>2.272.617.600</u></b>	<b><u>5.684.097.251</u></b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng phải trả công ty TNHH Vĩnh Hiệp. Thời gian thuê thỏa thuận trong hợp đồng thuê là 6 tháng.

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 15 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	50.011.382.661	51.555.948.601
Trừ: Tiền	<u>(17.337.415.130)</u>	<u>(5.215.240.173)</u>
Nợ thuần	32.673.967.531	46.340.708.428
Vốn chủ sở hữu	<u>93.007.392.370</u>	<u>81.151.603.600</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>0,35</u></b>	<b><u>0,57</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**

4383/1 đường Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	17.337.415.130	5.215.240.173
Các khoản phải thu và phải thu khác	25.223.608.519	14.654.693.275
Đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	2.976.517.200	3.150.832.225
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.537.540.849</b>	<b>24.020.765.673</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	8.996.764.510	11.316.634.232
Các khoản vay và nợ	56.428.537.501	51.555.948.601
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	276.324.900	254.219.848
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.119.316.911</b>	<b>63.544.492.681</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
<b>Đô la Mỹ (USD)</b>	<b>2.262.215.767</b>	<b>1.633.159.154</b>	<b>2.770.621.932</b>	<b>21.611.084.307</b>

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng đô la Mỹ thay đổi tăng/giảm 5% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 25.420.308 đồng (năm 2012: 998.896.258 đồng).

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

***Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng một khoản là 92.514.590 đồng (năm 2012: 148.785.215 đồng)

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**

4383/1 đường Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền	17.337.415.130	-	17.337.415.130
Các khoản phải thu và phải thu khác	25.223.608.519	-	25.223.608.519
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	59.447.600	2.917.069.600	2.976.517.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.620.471.249</b>	<b>3.917.069.600</b>	<b>46.537.540.849</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	8.996.764.510	-	8.996.764.510
Các khoản vay và nợ	50.011.382.661	6.417.154.840	56.428.537.501
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	276.324.900	-	276.324.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>59.284.472.071</b>	<b>6.834.844.840</b>	<b>66.119.316.911</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(16.664.000.822)</b>	<b>(2.917.775.240)</b>	<b>(19.581.776.062)</b>

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền	5.215.240.173	-	5.215.240.173
Các khoản phải thu và phải thu khác	14.654.693.275	-	14.654.693.275
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	124.145.702	3.026.686.523	3.150.832.225
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.994.079.150</b>	<b>4.026.686.523</b>	<b>24.020.765.673</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	11.316.634.232	-	11.316.634.232
Các khoản vay và nợ	41.749.439.874	9.806.508.727	51.555.948.601
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	254.219.848	-	254.219.848
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.320.293.954</b>	<b>10.224.198.727</b>	<b>63.544.492.681</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(33.326.214.804)</b>	<b>(6.197.512.204)</b>	<b>(39.523.727.008)</b>

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013 VND	2012 VND
Thu nhập Ban Giám đốc	2.204.026.350	2.688.751.000

**29. CAM KẾT VỐN**

Công ty hiện đang thực hiện kế hoạch chuyển địa điểm trụ sở kinh doanh và nhà máy sản xuất đến địa điểm mới tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 12 năm 2013, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (HEPZA) đã cấp giấy chứng nhận đầu tư số 41221000517 cho công ty hoạt động tại địa chỉ lô A34/I-A35/1 đường 2D, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo đó, Công ty đã thực hiện ký kết một số hợp đồng như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**

4383/1 đường Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Ngày 23 tháng 10 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Vietcombank – Chi nhánh Vĩnh Lộc để vay số tiền 43 tỷ đồng nhằm mục đích tài trợ cho việc nhận chuyển nhượng nhà xưởng và quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc.
- Ngày 21 tháng 01 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng nhà xưởng và quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc với tổng trị giá các hợp đồng là 53,8 tỷ đồng.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện giải ngân toàn bộ khoản vốn vay ngân hàng cam kết từ Vietcombank và đồng thời đã thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng nhận chuyển nhượng nhà xưởng và quyền thuê đất như đã nêu trên.

**30. MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH**

	Đơn vị tính	31/12/2013	31/12/2012
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	55,56	51,36
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	44,44	48,64
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	44,18	47,19
Vốn cổ đông/Tổng nguồn vốn	%	55,82	52,81
Vốn điều lệ/Tổng nguồn vốn	%	28,56	30,96
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,39	1,27
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,64	0,33
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	12,38	13,83
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,21	11,02
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ đông	%	21,91	27,69

**31. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 28 tháng 3 năm 2014.



Nguyễn Thị Thu Tâm  
Người lập biểu



Phạm Thị Thành  
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Dông  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2014